TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nguyên;

2. O6bng Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Phước Tín, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 8 năm 2022 và quyết định Hoãn phiên toà số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Hôn nhân giữa chị N và anh D do tự tìm hiểu tiến hành tổ chức lễ cưới chung sống với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống đến nay tình cảm không còn nên chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh D có 01 (một) con chung tên Phan Thị Kim C, sinh ngày 26/7/1998 (đã trưởng thành và có khả năng lao động).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 487/TB-TLVA ngày 23/5/2022 cho anh Phan Văn D biết về việc chị Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện ly hôn với anh D tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh D đối với yêu cầu của chị N và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh D gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm do chị N và anh D không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt, chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân của Uỷ ban nhân dân phường Long Sơn về việc chị N và anh D không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu đi đến tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng năm 1997, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và chị N xin ly hôn anh D.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký theo quy định nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh D có 01 (một) con chung tên Phan Thị Kim C, sinh ngày 26/7/1998 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn D có nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phan Văn D được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 1997, chị N và anh D tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị N và anh D chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không sống chung nhau từ

năm 2021 cho đến nay. Tình cảm giữa chị N và anh D không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh D.

Theo kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân của Uỷ ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang: Từ năm 1997 đến nay chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Chị N và anh D chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh D có 01 (một) con chung tên Phan Thị Kim C, sinh ngày 26/7/1998 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hôi đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này giữa chị N và anh D có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà đã nộp. Anh D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Phan Văn D là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0006297 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Văn D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm